

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G**

Bản án số: 22/2022/HS-ST

Ngày: 18/4/2022

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thơ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Do;

Bà Nguyễn Thị Chín.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Quang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thế Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 76/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST-HS ngày 22/02/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/HSST-QĐ ngày 09/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2022/HSST-QĐ ngày 31/3/2022 đối với bị cáo:

Phạm Công K; sinh năm 1997 tại tỉnh Q; nơi cư trú: Thôn Bông Hiot, xã Hải Yang, huyện Đ, tỉnh G; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Không đi học; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Công H và bà Nguyễn Thị H (đã chết). Vợ là Bùi Thị Hồng H và có 01 người con, sinh năm 2020; T án: Không; T sự: Không; nhân thân: Ngày 28/4/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 06 tháng tù theo Bản án số 16/2017/HSST về hành vi *Trộm cắp tài sản* (đã xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/6/2021 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh G. Có mặt.

- Người bào chữa cho các bị cáo: Ông Huỳnh Văn K – Luật sư cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh G. Có mặt.

Bị hại: Ban quản lý rừng phòng hộ Đ. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trọng K, sinh năm 1982 – chức vụ Phó trưởng ban phụ trách Ban quản lý rừng phòng hộ Đ. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Phạm Công T, sinh năm 1985. Trú tại: Thôn 1, xã Hải Yang, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt.

2. Anh Nguyễn Hữu V, sinh năm 1992. Trú tại: Thôn Hà Lòng 1, xã K'Dang, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

3. Anh Phạm Công D, sinh năm 1982. Trú tại: Thôn 3, xã Hải Yang, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 02/5/2021, Phạm Công K vào rừng để tìm hoa phong lan về trồng, nhưng không tìm thấy phong lan; trong quá trình tìm hoa phong lan, Khánh phát hiện tại Lô 1, Khoảnh 3 và Lô 1, Khoảnh 6, Tiểu khu 426 do Ban quản lý rừng phòng hộ Đ quản lý có 04 cây gỗ (được ký hiệu là cây số: 01, 03, 05 và 06 trên hiện trường) đã bị cắt hạ trước đó. Do có nhu cầu muốn lấy gỗ để làm cửa nhà nên vào sáng ngày 03/05/2021, K điều khiển xe mô tô độ chế của gia đình đem theo một máy cưa Lốp đi vào khu vực rừng thuộc Lô 1, Khoảnh 3 và Lô 1, Khoảnh 6, Tiểu khu 426 đến vị trí các cây gỗ mà trước đó K phát hiện thấy. K sử dụng máy cưa Lốp cắt lấy gỗ đối với 04 cây gỗ đã bị người khác cắt hạ trước đó, cụ thể.

Cây gỗ thứ nhất: K sử dụng máy cưa cắt được 01 khúc dài khoảng hơn 16m, chủng loại gỗ Mít nài. (được ký hiệu là cây số 01)

Cây gỗ thứ hai: K dùng máy cưa cắt được hai khúc, mỗi khúc dài khoảng 4,5m chủng loại gỗ Mít nài. (được ký hiệu là cây số 03)

Cây gỗ thứ ba: K dùng máy cưa cắt được 03 khúc, mỗi khúc dài khoảng 2,5m, chủng loại gỗ Mít nài. (được ký hiệu là cây số 05)

Cây gỗ thứ tư: K dùng máy cưa cắt được 01 khúc. (được ký hiệu là cây số 06).

Ngoài ra, Phạm Công K còn trực tiếp dùng cưa Lốp cắt hạ 02 cây gỗ còn sống (được ký hiệu là cây số 02 và 04 trên hiện trường).

Cây gỗ thứ nhất: K dùng máy cưa cắt hạ và cắt được một khúc dài khoảng 9,1m, chủng loại gỗ Ké; (được ký hiệu là cây số 02)

Cây gỗ thứ hai: K dùng máy cưa cắt hạ, sau đó cắt được một khúc dài khoảng hơn 4m chủng loại gỗ Mít nài; (được ký hiệu là cây số 04)

Sáng ngày 06/5/2021, Phạm Công K đi vào làng Bông Hiot, xã Hải Yang, huyện Đ, tỉnh G để tìm người phụ giúp K vào rừng kéo gỗ nhưng không tìm được người nên K về đến khoảng 10 giờ sáng cùng ngày thì Nguyễn Hữu V (sinh năm 1992, trú tại: Thôn Hà Lòng 1, xã Kdang, huyện Đ, tỉnh G) xuống nhà K chơi, K nói với V là giúp K vào rừng kéo gỗ về đóng cửa nhà, thấy K mới làm nhà chưa có cửa nên V đồng ý vào rừng giúp K kéo gỗ. Khoảng 17 giờ cùng ngày K đi mua com hộp sau đó về nhà anh trai là Phạm Công T (sinh năm 1985, trú tại: Thôn 1, xã Hải Yang, huyện Đ, tỉnh G) lấy xe độ chế của anh T, đem theo máy cưa Lốp chở anh V đi vào rừng vận chuyển số gỗ mà K đã cắt vào ngày 03/5/2021. K và V vào đến nơi khoảng 22 giờ cùng ngày, cả hai bắt đầu kéo gỗ, K và V kéo cây gỗ thứ nhất dài 16m đến gần xe độ chế thì dừng lại, vì cây gỗ dài nên K dùng máy cưa cắt cây gỗ ra thành 03 khúc ngắn, cắt xong K và V kéo lên thùng xe độ chế. K tiếp tục điều khiển xe đến vị trí cây gỗ số hai và dùng dây cáp kéo khúc gỗ dài 09m lên thùng xe; rồi K và V tiếp tục dùng dây cáp kéo các khúc

gỗ tại vị trí cây số bốn và cây số năm sang tập kết tại vị trí cây số ba, sau đó dùng dây cáp cột các khúc gỗ vào rồi kéo lên xe độ chế. Tổng số gỗ K và V kéo lên thùng xe độ chế là 10 khúc gỗ tròn, tiếp theo K điều khiển xe độ chế đến vị trí cây gỗ số sáu, K và V kéo 01 khúc gỗ lên nhưng do khúc gỗ bị hư nên K và V không lấy và bỏ lại rừng. K điều khiển xe độ chế cùng với V chở gỗ về, khi về đến gần đầu thôn Bông Hiot, xã Hải Yang, huyện Đ, tỉnh G thì trời sáng, K cho xe độ chế chạy vào khu vực có cây rậm và nâng beng xe đồ số gỗ trên thùng xe xuống đất để cất giấu. Khi K đang đồ gỗ xuống xe để cất giấu thì Công an huyện Đ và Kiểm lâm huyện Đ phát hiện tạm giữ tang vật, còn K cầm theo máy cưa Lốc và V trốn thoát.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 11 lóng gỗ tròn, chủng loại gỗ Ké và Mít nài, có tổng khối lượng là 7,825m³ thuộc nhóm V, nhóm VI (loài gỗ thông thường), cụ thể:

- + 01 lóng gỗ chủng loại gỗ Ké, kích thước 9,1m x 0,47m, có khối lượng 1,578m³;
- + 01 lóng gỗ chủng loại Mít nài, kích thước 4,5m x 0,36m, khối lượng 0,458m³;
- + 01 lóng gỗ chủng loại Mít nài, kích thước 4,6m x 0,45m, khối lượng 0,731m³;
- + 01 lóng gỗ chủng loại Mít nài, kích thước 4,3m x 0,60m, khối lượng 1,215m³;
- + 01 lóng gỗ chủng loại Mít nài, kích thước 4,7m x 0,50m, khối lượng 0,922m³;
- + 01 lóng gỗ chủng loại Mít nài, kích thước 10m x 0,40m, khối lượng 1,256m³;
- + 01 lóng gỗ chủng loại Mít nài, kích thước 4,4m x 0,25m, khối lượng 0,216m³;
- + 01 lóng gỗ chủng loại Mít nài, kích thước 4,6m x 0,36m, khối lượng 0,468m³;
- + 01 lóng gỗ chủng loại Mít nài, kích thước 4,7m x 0,26m, khối lượng 0,249m³;
- + 01 lóng gỗ chủng loại Mít nài, kích thước 2,5m x 0,42m, khối lượng 0,346m³;
- + 01 lóng gỗ chủng loại Mít nài, kích thước 4,0m x 0,35m, khối lượng 0,385m³;
- 01 xe độ chế, không có nhãn hiệu, chủng loại.

Ngày 13/6/2021, Hạt Kiểm lâm huyện Đ phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Ban quản lý rừng phòng hộ Đ và Ủy ban nhân dân xã Đak Somei tiến hành khám nghiệm hiện trường. Qua công tác khám nghiệm xác định hiện trường nơi xảy ra vụ án tại Lô 1, Khoảnh 3 và Lô 1, Khoảnh 6, Tiểu khu 426 thuộc lâm phần do Ban quản lý rừng phòng hộ Đ quản lý.

- Có tọa độ trung tâm: 0X: 0.474.048; 0Y: 1.567.116 (đo bằng máy định vị GPS-GAR Min 64).

- Loại rừng: Rừng tự nhiên; quy hoạch: rừng phòng hộ; Trạng thái: TXN (thường xanh nghèo);

- Số gốc cây rừng bị khai thác tại hiện trường là: 06 gốc.

- Loài cây: Mít nài, ké;

- Hình thức khai thác: Khai thác chọn; công cụ: Cưa xăng.

- Đường kính gốc chặt từ 60cm đến 100cm; chiều cao gốc chặt bình quân từ 40cm đến 130cm; có 02 gốc cây, có dấu vết mới cắt và 04 gốc cây có dấu vết cắt đã cũ.

- Khối lượng gỗ đo đếm được còn tại hiện trường là 01 lóng gỗ tròn, khối lượng 0,385m³, chủng loại: Mít nài. Tại hiện trường gốc cây và cành nhánh còn nằm rải rác.

Theo Kết luận giám định của Giám định viên Nguyễn Trường Lâm ngày 21/05/2021, kết luận:

- Tại vị Lô 1, Khoảnh 3 và Lô 1, Khoảnh 6, Tiểu khu 426, địa giới hành chính xã Đak somei, huyện Đ, tỉnh G tương ứng là rừng tự nhiên, trạng thái là rừng thường xanh nghèo (TXN).

- Chức năng của rừng: Rừng phòng hộ.
- Chủ quản lý: Ban quản lý rừng phòng hộ Đ.
- Loài cây rừng bị khai thác trái pháp luật: Mít nài và Ké
- Khối lượng gỗ bị thiệt hại của 06 cây gỗ là $22,175\text{m}^3$ gỗ và 1,60 Ster củi;
- Nhóm gỗ: Nhóm V, nhóm VI.
- Giá trị thiệt hại về môi trường sau khi rừng bị khai thác hệ số: $K_{tn}=4$.

Theo Kết luận định giá tài sản số 67 ngày 21/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ kết luận:

+ Số gỗ thiệt hại $22,175\text{m}^3$ có trị giá là 86.817.380 đồng; củi thiệt hại 1,60 ster có trị giá là 779.100 đồng; giá trị thiệt hại về môi trường rừng phòng hộ $K_{tn}=4$ với số T 350.385.920 đồng.

Tổng giá trị tài sản thiệt hại là 437.982.400 đồng.

Theo Kết luận định giá tài sản số 121 ngày 15/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ kết luận:

- Tổng khối lượng gỗ bị thiệt hại gồm 09 lóng gỗ và 02 cây gỗ là: $15,705\text{m}^3$ gỗ và 0,7 ster củi; chủng loại: Mít nài, Ké có trị giá là 57.883.305 đồng.

- Khối lượng gỗ thiệt hại của 02 cây gỗ là: $9,707\text{m}^3$ gỗ và 0,7 ser củi; chủng loại: Mít nài, Ké có trị giá là 39.469.855 đồng; giá trị thiệt hại về môi trường rừng là 157.879.420 đồng.

- Khối lượng gỗ thiệt hại của 11 lóng gỗ là: $7,825\text{m}^3$ gỗ, chủng loại: Mít nài, Ké có trị giá là 30.093.650 đồng.

Quá trình điều tra xác định bị cáo Phạm Công K trực tiếp khai thác, cắt hạ 02 cây gỗ đứng còn sống chủng loại gỗ Mít nài và Ké (được ký hiệu là cây số 02 và cây số 04). Hậu quả khối lượng gỗ bị thiệt hại là $9,707\text{m}^3$ gỗ, 0,7ster củi.

Ngoài ra, Phạm Công K còn phải chịu trách nhiệm đối với 09 lóng gỗ do K khai thác của 04 cây gỗ (số 01, 03, 05 và 06) do người khác cắt hạ từ trước, với tổng khối lượng là $5,998\text{m}^3$ chủng loại gỗ Mít nài.

Như vậy, tổng khối lượng gỗ và củi bị thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Công K gây ra là: $9,707\text{m}^3$ gỗ + $5,998\text{m}^3 = 15,705\text{m}^3$ và 0,7 ster củi, có trị giá là 57.883.305 đồng; giá trị thiệt hại về môi trường rừng là 157.879.420 đồng.

Đối với 11 lóng gỗ tròn, chủng loại gỗ Ké và Mít nài, có tổng khối lượng là $7,825\text{m}^3$ quá trình điều tra xác định đây là vật chứng của vụ án thuộc sở hữu của Ban quản lý rừng phòng hộ Đ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra Quyết định trả lại cho chủ sở hữu theo quy định là phù hợp.

Đối với 01 xe độ chế, không có nhãn hiệu, chủng loại là phương tiện bị cáo Phạm Công K sử dụng để vận chuyển gỗ trái phép thuộc sở hữu của anh Phạm Công T là anh trai của bị cáo Phạm Công K, việc K sử dụng xe độ chế đi vận chuyển gỗ anh T không biết nên chuyển theo hồ sơ vụ án để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với chiếc máy cưa Lốk là công cụ bị cáo Phạm Công K sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, sau khi phạm tội trong lúc bỏ chạy K đã vứt bỏ, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng đã bị mất nên không thu giữ được.

Đối với chiếc xe máy độ chế là phương tiện bị cáo Phạm Công K sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, chiếc xe máy này K mượn của anh trai là Phạm Công D (sinh năm 1982, trú tại: Thôn 3, xã Hải Yang, huyện Đ, tỉnh G) để sử dụng, việc K sử dụng xe đi thực hiện hành vi phạm tội anh D không biết, sau khi phạm tội bị cáo đã làm mất, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được.

Đối với hành vi khai thác 04 cây gỗ được đánh số thứ tự trên hiện trường là cây số 01, 03, 05 và 06, có tổng khối lượng 12,468m³ và 0,9 ster củi, chủng loại gỗ Mít này thuộc nhóm VI. Quá trình điều tra chưa xác định được đối tượng đã thực hiện hành vi khai thác đối với 04 cây gỗ trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự để điều tra, làm rõ xử lý theo quy định của pháp luật.

Về dân sự: Bị hại Ban quản lý rừng phòng hộ Đ yêu cầu bị cáo Phạm Công K phải bồi thường thiệt hại về dân sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trên, bị cáo đồng ý với Kết luận giám định của Giám định viên Nguyễn Trường Lâm ngày 21/05/2021 và Kết luận định giá tài sản số 67 ngày 21/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ, tỉnh G và không có ý kiến gì khác.

Tại bản Cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G truy tố bị cáo Phạm Công K về tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Phạm Công K và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự: Đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 232; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Công K;

Xử phạt bị cáo Phạm Công K từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Đề nghị trả lại cho anh Phạm Công T: 01 xe độ chế, không có nhãn hiệu, chủng loại.

Về dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584; 585; 586 và 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo phải bồi thường khối lượng gỗ, củi thiệt hại và giá trị thiệt hại về môi trường rừng cho Ban quản lý rừng phòng hộ Đ tổng số T 185.669.075 đồng. Gia đình bị cáo đã nộp số T 70.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ để khắc phục hậu quả. Bị cáo phải tiếp tục bồi thường số T còn lại là 115.669.075 đồng.

Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; căn cứ Điều 143 và Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm. Buộc bị cáo Phạm Công K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 5.783.453đồng.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Công K thống nhất cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ về tội danh, điều luật áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khi áp dụng hình phạt giảm nhẹ cho bị cáo đối với 04 cây gỗ (số 01, 03, 05 và 06) là do người khác cắt hạ từ trước đã mục nát, bị cáo K chỉ dùng cưa cắt thành 09 lóng gỗ đối với 04 cây gỗ này, bị cáo không trực tiếp cắt hạ cây. Bị cáo không đi học, gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Khung hình phạt Đại diện viên kiểm sát đề nghị cho bị cáo từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù là quá nặng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt quy định tại Điều 54 Bộ luật hình sự vì bị cáo có ba tình tiết giảm nhẹ, trong đó có hai tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, cho bị cáo hưởng mức án là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tranh luận với ý kiến của người bào chữa: Đối với 04 cây gỗ (số 01, 03, 05 và 06) là do người khác cắt hạ từ trước và 02 cây gỗ do bị cáo K trực tiếp cắt hạ có khối lượng gỗ bị thiệt hại là 22.175m^3 có trị giá là 86.817.380 đồng; củi thiệt hại 1,60 ster có trị giá là 779.100 đồng; giá trị thiệt hại về môi trường rừng phòng hộ Ktn=4 với số T 350.385.920 đồng theo Kết luận định giá tài sản số 67 ngày 21/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ. Tuy nhiên bị cáo K chỉ chịu trách nhiệm đối với hành vi khai thác 09 lóng gỗ của 04 cây gỗ (số 01, 03, 05 và 06) là do người khác cắt hạ từ trước với tổng khối lượng là $5,998\text{m}^3$ và 02 cây gỗ do bị cáo K trực tiếp cắt hạ với tổng khối lượng là $9,707\text{m}^3$. Như vậy, tổng khối lượng gỗ và củi bị thiệt hại mà bị cáo K phải chịu đối với hành vi của bị cáo đã gây ra là $9,707\text{m}^3 + 5,998\text{m}^3 = 15,705\text{m}^3$ gỗ và 0,7 ster củi, có trị giá là 57.883.305 đồng; giá trị thiệt hại về môi trường rừng là 157.879.420 đồng. Vì vậy bị cáo K không chịu trách nhiệm toàn bộ đối với 04 cây gỗ (số 01, 03, 05 và 06) là do người khác cắt hạ từ trước như ý kiến tranh luận của người bào chữa.

Khi xem xét khung hình phạt áp dụng cho bị cáo, Viện kiểm sát đã xem xét ba tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với đề nghị của người bào chữa áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng mức án dưới khung hình phạt thì thuộc thẩm quyền của Hội đồng xét xử.

Người bào chữa tranh luận với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ: Luật sư thống nhất với tổng khối lượng gỗ và củi bị thiệt hại mà bị cáo K phải chịu đối với hành vi của bị cáo đã gây ra là $9,707\text{m}^3 + 5,998\text{m}^3 = 15,705\text{m}^3$ gỗ và 0,7 ster củi, có trị giá là 57.883.305 đồng; giá trị thiệt hại về môi trường rừng là 157.879.420 đồng như Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố. Luật sư đề nghị Hội đồng khi xem xét áp dụng hình phạt cho bị cáo K giảm nhẹ một phần hình phạt đối với 09 lóng gỗ của 04 cây gỗ (số 01, 03, 05 và 06) là do người khác cắt hạ từ trước, cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt quy định tại Điều 54 Bộ luật hình sự là phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ và người bào chữa không tranh luận gì thêm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Phạm Công K không có ý kiến gì với quyết định truy tố, bản luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ và không bổ sung đối với bản luận cứ của người bào chữa.

Bị cáo nói lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Vào ngày 03/05/2021 tại Lô 1, Khoảnh 3 và Lô 1, Khoảnh 6, Tiểu khu 426 thuộc lâm phần do Ban quản lý rừng phòng hộ Đ, tỉnh G quản lý, Phạm Công K đã có hành vi sử dụng cưa Lók khai thác trái phép rừng phòng hộ là rừng tự nhiên loài thực vật thông thường gồm 02 cây gỗ đứng còn sống và 09 lóng gỗ do người khác cắt hạ từ trước, với tổng khối lượng gỗ thiệt hại là 15,705m³ và 0,7 ster củi, chủng loại chủng loại gỗ Ké, Mít nài thuộc nhóm V, VI; trị giá gỗ và củi bị thiệt hại là 57.883.305 đồng; thiệt hại môi trường rừng được xác định là 157.879.420 đồng.

Như vậy, hành vi khai thác trái rừng phòng hộ là rừng tự nhiên 15,705m³ gỗ loài thực vật thông thường của bị cáo Phạm Công K đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 232 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo K không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về nhân thân: Bị cáo K có nhân thân xấu, đã có một T án 06 tháng tù về hành vi *Trộm cắp tài sản* theo Bản án số 16/2017/HSST ngày 28/4/2017 (đã xóa án tích).

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại một phần để khắc phục hậu quả; tại phiên tòa đại diện theo pháp luật của bị hại Ban quản lý rừng phòng hộ Đ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

[4] Về hình phạt:

Hành vi của bị cáo Phạm Công K là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý, bảo vệ môi trường, chế độ bảo vệ, phát triển rừng và lâm sản được pháp luật hình sự bảo vệ, khối lượng gỗ bị cáo khai thác trái phép thuộc rừng phòng hộ là rừng tự nhiên 15,705m³ gỗ loài thực vật thông thường. Đối với tội *Vi*

phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản quy định tại điểm d khoản 2 Điều 232 Bộ luật Hình sự thì cấu thành tội phạm vật chất đối với khối lượng gỗ khai thác trái phép thuộc rừng phòng hộ là rừng tự nhiên từ 15 mét khối (m^3) đến dưới 30 mét khối (m^3) gỗ loài thực vật thông thường, thì bị phạt T từ 300.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm. Hội đồng xét xử thấy rằng trong vụ án này khối lượng gỗ bị cáo Phạm Công K khai thác trái phép là $15,705m^3$ tương ứng với khung hình phạt từ 02 (*hai*) năm đến 02 (*hai*) năm 06 (*sáu*) tháng tù như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt ngoài căn cứ về khối lượng gỗ bị cáo khai thác trái phép như trên, Hội đồng xét xử xem xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo K thì thấy rằng: Bị cáo Phạm Công K có ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt của người bào chữa là có căn cứ và thể hiện tính khoan hồng của pháp luật nên chấp nhận. Đối với đề nghị của người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt cho bị cáo mức án 01 (*một*) năm 04 (*bốn*) tháng tù, thì Hội đồng xét xử thấy rằng mức hình phạt này nhẹ hơn hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nên không chấp nhận.

Từ những nhận định như trên, Hội đồng xét xử xét thấy phải áp dụng cho bị cáo mức án nghiêm khắc, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mới đủ tính chất răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội tương ứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra, mới đủ tính chất răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội. Đồng thời khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét xem xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo để đưa ra mức hình phạt phù hợp.

Đối với Nguyễn Hữu V không tham gia khai thác rừng trái phép với bị cáo Phạm Công K, V tham gia giúp K vận chuyển 10 khúc gỗ lên xe độ chế chở về nhà cho K, khối lượng gỗ V tham gia vận chuyển là $7,440m^3$, thuộc nhóm V, VI, V chưa có T án, T sự nên hành vi của V không cấu thành tội phạm. Công an huyện Đ đã ban hành văn bản đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với V là có cơ sở.

Đối với Phạm Công T, khi K vào rừng khai thác gỗ thì T không biết, ngày 06/5/2021 Khánh đến nhà T để lấy xe độ chế vào rừng vận chuyển gỗ về nhà thì T không biết nên không có căn cứ để xử lý đối với T là có cơ sở.

Đối với Phạm Công D là chủ sở hữu xe máy độ chế, việc Phạm Công K mượn xe máy và sử dụng xe máy đi vào rừng để khai thác lâm sản D không biết nên không có căn cứ để xử lý đối với anh D là có cơ sở.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Tại khoản 4 Điều 232 của Bộ luật Hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt T từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo khó khăn, là lao động chính trong đình, vợ không có việc làm và đang nuôi con

nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Vì vậy, xét việc áp dụng hình phạt bổ sung là phạt T bị cáo không đảm bảo việc thi hành án nên không áp dụng.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 11 lóng gỗ tròn, chủng loại gỗ Ké và Mít nài, có tổng khối lượng là 7,825m³. Quá trình điều tra xác định đây là vật chứng của vụ án thuộc sở hữu của Ban quản lý rừng phòng hộ Đ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra Quyết định trả lại cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Đ là phù hợp theo quy định pháp luật.

Đối với 01 xe độ chế, không có nhãn hiệu, chủng loại là phương tiện bị cáo Phạm Công K sử dụng để vận chuyển gỗ trái phép. Quá trình điều tra xác định thuộc sở hữu của anh Phạm Công T là anh trai của bị cáo Phạm Công K, việc K sử dụng xe độ chế đi vận chuyển gỗ anh T không biết nên trả lại cho anh Phạm Công T.

Đối với chiếc máy cưa Lổk là công cụ bị cáo Phạm Công K sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, sau khi phạm tội trong lúc bỏ chạy K đã vứt bỏ, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng đã bị mất nên không thu giữ được, vì vậy hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với chiếc xe máy độ chế là phương tiện bị cáo Phạm Công K sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, chiếc xe máy này K mượn của anh trai là Phạm Công D để sử dụng, việc K sử dụng xe đi thực hiện hành vi phạm tội anh D không biết, sau khi phạm tội bị cáo đã làm mất, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được, vì vậy hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại là Ban quản lý rừng phòng hộ Đ yêu cầu bị cáo phải bồi thường số T tương đương với khối lượng gỗ thiệt hại và giá trị môi trường rừng bị thiệt hại theo quy định pháp luật. Tổng số T thiệt hại về dân sự bị cáo gây ra là 215.762.725 đồng, trong đó Ban quản lý rừng phòng hộ Đ đã nhận lại khối lượng gỗ thiệt hại của 11 lóng gỗ là: 7,825m³ gỗ, chủng loại: Mít nài, Ké có trị giá là 30.093.650 đồng. Như vậy bị cáo phải bồi thường cho bị hại số T là 185.669.075 đồng, gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp bồi thường số T 70.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, vì vậy bị cáo phải tiếp tục bồi thường số T còn lại là 115.669.075 đồng.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 200.000 đồng, và án phí dân sự sơ thẩm là 5.783.453 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 232; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Công K;
- Căn cứ khoản 2 Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự;
- Căn cứ Điều 584; 585; 586; 589 của Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ Điều 106; 135, 136 Bộ luật tố tụng Hình sự;
- Căn cứ Điều 143 và Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Phạm Công K phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Phạm Công K 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 29/6/2021).

3. Về xử lý vật chứng: Tuyên:

Trả lại cho anh Phạm Công T: 01 xe độ chế, không có nhãn hiệu, chủng loại. Tình trạng thực tế vật chứng bên ngoài khi giao nhận: xe cũ, rỉ sét, hư hỏng không hoạt động được (kèm theo biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề).

Theo Biên bản giao nhận vật chứng tài sản ngày 18/4/2022 giữa chi cục thi hành án dân sự huyện Đ và Công an huyện Đ, tỉnh G.

4. Về dân sự:

Bị cáo Phạm Công K phải bồi thường cho Ban quản lý rừng phòng hộ Đ số T là 185.669.075 đồng (*một trăm tám mươi lăm triệu sáu trăm sáu chín nghìn không trăm bảy lăm đồng*), gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp bồi thường số T 70.000.000 đồng (theo Biên lai thu T số 0006607 ngày 30/3/2022 đối với số T 20.000.000 đồng và Biên lai thu T số 0006620 ngày 13/4/2022 đối với số T là 50.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ).

Buộc bị cáo Phạm Công K phải tiếp tục bồi thường cho Ban quản lý rừng phòng hộ Đ số T còn lại là 115.669.075 đồng (*một trăm mười lăm triệu sáu trăm sáu chín nghìn không bảy lăm đồng*).

5. Về án phí:

Buộc bị cáo Phạm Công K phải nộp T án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) và án phí dân sự sơ thẩm là 5.783.453 đồng (*năm triệu bảy trăm tám ba nghìn bốn trăm năm ba đồng*).

6. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/4/2022), bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh G;
- Sở tư pháp tỉnh G;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh G;
- Cơ quan Thi hành án tỉnh G;
- Cơ quan điều tra - Công an huyện Đ;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an huyện Đ;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ/VT.

Nguyễn Thị Hoài Thơ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
TỈNH G
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
HUYỆN Đ**

Số: 18/CT-VKS

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đ, ngày 30 tháng 5 năm 2019

CÁO TRẠNG

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN HUYỆN Đ

Căn cứ các Điều 41, 236, 239 và 243 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 06 ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, về tội: “Trộm cắp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự;

Căn cứ các Quyết định khởi tố bị cáo số 10, 11, 12, 13 và 14 ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đối với Dên, Quy, Lương, Djông, về tội: “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và đối với Hlip, về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự;

Căn cứ Bản kết luận điều tra vụ án hình sự đề nghị truy tố số 19 ngày 10/5/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ,

Trên cơ sở kết quả điều tra đã xác định được như sau:

Ông Nguyễn Bá Thường (Sinh năm 1964, trú tại: Số nhà 418 Phạm Văn Đồng, phường Đồng Đa, thành phố Pleiku, tỉnh G) mua đất rẫy và trồng 07 ha cà phê tại khu vực thôn Hàm Rồng, xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G, ông Thường có thuê Suyến (Sinh năm 1994, trú tại: Thôn Ô Yố, xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G) hàng ngày chăm sóc và trông coi vườn rẫy cà phê.

Vào chiều ngày 02/01/2019, Dên ngồi uống rượu tại quán thịt chó Nhã tại ngã ba thôn Hàm Rồng, xã Ia Băng, huyện Đ cùng với Quy; Lương và Djông. Do trước đó Dên và Quy có hái cà phê thuê cho ông Nguyễn Bá Thường, biết tại rẫy cà phê nhà ông Thường đang phơi cà phê nên Dên nảy sinh ý định trộm cắp cà phê của ông Thường và hỏi Quy “Cà phê nhà Thường khô chưa?”, do Quy đi làm ngang qua thấy tại rẫy nhà ông thường đang xay cà phê nên Quy nói với Dên “Cà phê khô rồi, đang thuê người xay”. Dên rủ Quy, Lương và Djông đi trộm cắp cà phê của nhà ông Thường bán lấy T tiêu xài thì tất cả đồng ý.

Khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 02/01/2019, Dên điều khiển xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 81B2 - 429.47 (xe của gia đình Dên) chở Quy; Djông điều khiển xe mô tô BKS 81F1- 9639 (xe của gia đình Lương) chở Lương đi trộm cắp cà phê. Dên chở Quy đi đến quán tạp hóa Hậu Hiền, tại: Thôn Ô Yố, xã Ia Băng, huyện Đ, Dên đưa T cho Quy để mua 10 vỏ bao cước đựng cà phê hết 30.000đ (Ba mươi ngàn đồng). Sau đó tất cả đi đến nhà rẫy của gia đình Dên (gần rẫy nhà ông Thường) cất 02 xe mô tô tại đây rồi đi bộ đến rẫy cà phê của gia đình ông Thường. Khi đến nơi, thì tất cả trèo qua hàng rào lưới B40 để đi vào bên trong khu vực rẫy thì phát hiện thấy cà phê vỏ đang phơi dọc theo đường đi từ đầu rẫy đến cuối rẫy (đường bằng bê tông, từ hướng nam qua hướng bắc dài 267 mét x rộng 4,73 mét). Dên cùng Lương và Djông hốt trộm cà phê vỏ đang phơi, còn Quy đi bộ xuống phía dưới nhà rẫy có điện sáng để cảnh giới (cách chỗ phơi cà phê là 180 mét). Trên đường đi, Quy phát hiện tại vị trí xay xát cà phê (cách vị trí đang phơi cà phê vỏ là 25 mét) có để 05 bao cà phê nhân (có bao đầy, bao vơi) nên Quy quay lại nói với Dên, Lương và Djông không lấy cà phê vỏ nữa mà đi xuống lấy trộm cà phê nhân. Tất cả đi xuống khu vực nhà rẫy dọn 05 bao cà phê nhân vào 03 bao rồi thay nhau vác đưa ra bên ngoài hàng rào lưới B40 và mang đến cất giấu tại vườn cà phê của gia đình Djông (cách vườn cà phê của ông Thường khoảng 500mét), sau đó lấy xe mô tô chở nhau đi về nhà ngủ.

Chiều ngày 04/01/2019, Dên điện thoại rủ Lương, Quy, Djông và Hlip đến nhà rẫy của anh Yên uống rượu (Yên là anh rể vợ Dên). Sau khi uống rượu xong thì Yên về nhà trước, Hlip còn ở lại chơi thì Dên rủ Hlip cùng tham gia đi bán cà phê đã trộm cắp. Hlip có hỏi về nguồn gốc cà phê ở đâu có mà bán thì Dên nói cho Hlip biết là cà phê trộm cắp tại rẫy của ông Thường, Hlip đồng ý cùng đi bán.

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 04/01/2019, Dên, Quy, Lương, Djông và Hlip đến rẫy cà phê của Djông chở cà phê trộm cắp đi bán, trong đó Quy đi xe mô tô BKS 81C1-044.32 (xe của bố mẹ Quy) chở 01 bao, Lương đi xe mô tô BKS 81F1- 9639 (xe của bố mẹ Lương) chở 01 bao, Hlip đi xe mô tô BKS 81R2- 0327 (là xe của bố vợ tên Nhor) chở 01 bao và chở Djông, Dên đi xe mô tô BKS 81B2-429.47 đi một mình. Các

bị cáo chở cả phê trộm cắp được đến Doanh nghiệp thu mua nông sản Ngọc Chương tại xã Chư Hdrông, thành phố Pleiku, tỉnh G gặp anh Trần Ngọc Chương để bán. Hlip và Dên trực tiếp đưa 03 bao cà phê vào bán, còn các bị cáo khác đứng bên ngoài chờ. Anh Chương trực tiếp cân 03 bao cà phê nhân trên được tổng cộng là 145,9kg, sau đó chị Phạm Thị Hiền là kế toán doanh nghiệp viết phiếu tính T giá 34.000đ/01kg (theo giá mua tại thời điểm hiện tại), được số T là 4.959.000 đ (Bốn triệu, chín trăm năm mươi chín ngàn đồng) đưa cho Hlip, Hlip đưa lại T cho Dên cầm. Dên chia cho mỗi người 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) để tiêu xài cá nhân, số T còn lại các bị cáo rủ nhau đi uống rượu và hát Karaokê hết.

Vào sáng ngày 03/01/2019, anh Suyền (người trông coi rẫy cho ông Thường) phát hiện cả phê của ông Thường bị mất trộm nhưng ông Thường đang đi họp tại thành phố Hồ Chí Minh nên điện thoại nhờ anh Trần Trọng Hòa (là em rể) viết đơn trình báo vụ việc đến Cơ quan điều tra Công an huyện Đ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/01/2019, sau khi mua cả phê của Hlip và Dên bán, anh Chương nghi ngờ các bị cáo đã trộm cắp cả phê nên đã điện báo cáo Công an huyện Đ để điều tra làm rõ, xử lý vụ việc theo quy định. Cơ quan điều tra đã triệu tập các bị cáo để làm việc đồng thời tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp và bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Dên, Quy, Lương, Djông và Hlip để xử lý theo quy định.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 67 ngày 10/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ xác định 145,9kg cà phê nhân có trị giá là: 4.858.000 đồng.

*** Vật chứng thu giữ gồm:**

- 04 xe mô tô (Xe mô tô BKS 81B2- 429.47 do Dên giao nộp; xe mô tô BKS 81R2- 0327 do Hlip giao nộp; xe mô tô BKS 81F1- 9639 do Lương giao nộp; xe mô tô BKS 81C1- 044.32 do Quy giao nộp). Quá trình điều tra xác định xe mô tô BKS 81B2- 429.47 là của gia đình ông Djonh (là bố của Dên); xe mô tô BKS 81R2- 0327 là của gia đình ông Nhor (là bố vợ của Hlip); xe mô tô BKS 81F1- 9639 là xe của gia đình bà Glah (là mẹ của Lương); xe mô tô BKS 81C1- 044.32 của gia đình bà A Minh (là mẹ của Quy). Khi các bị cáo sử dụng xe mô tô đi thực hiện hành vi phạm tội ông Djonh, ông Nhor, bà Glah và bà A Minh không biết nên không có căn cứ để xử lý đối với ông Djonh, ông Nhor, bà Glah và bà A Minh. Cơ quan điều tra Công an huyện Đ đã ra Quyết định trả lại tài sản là xe mô tô cho chủ sở hữu theo quy định.

- T Việt Nam đồng là 1.100.000 đồng, trong đó: Tạm giữ của Hlip số T 500.000 đồng; Quy số T 500.000 đồng và Djông số T 100.000 đồng là T có được khi bán tài sản do trộm cắp mà có. Tuy nhiên, quá trình điều tra các bị cáo đã tự nguyện bồi thường số T 5.000.000 đồng cho bị hại Nguyễn Bá Thường (mỗi bị cáo bồi thường 1.000.000 đồng) nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trả lại cho Hlip, Quy và Djông theo quy định.

Đối với 145,9kg cà phê nhân khô, sau khi mua của Hlip và Dên bán, anh Trần Ngọc Chương đã trộn lẫn với cả phê của Doanh nghiệp và đã xuất bán nên không thu hồi được.

Đối với 10 chiếc bao mà các bị cáo để lại hiện trường, sau khi dọn dẹp anh Suyến đã đốt nên không thu giữ được.

*** Về dân sự:**

- Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường xong về dân sự cho ông Nguyễn Bá Thường số T 5.000.000 đồng, ông Thường đã nhận đủ số T trên và không còn yêu cầu gì thêm.

Căn cứ vào các tình tiết và chứng cứ nêu trên,

KẾT LUẬN

Vào khoảng 21 giờ, ngày 02/01/2019, tại rẫy cà phê của gia đình ông Nguyễn Bá Thường thuộc thôn O Yố, xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G lợi dụng lúc trời tối nên Dên, Quy, Djông và Lương đã trộm cắp 03 bao cà phê nhân, có trọng lượng là 145,9kg mang về khu vực nhà rẫy của gia đình bị cáo Djông cất dấu. Đến ngày 04/01/2019, các bị cáo Dên, Quy, Djông và Lương rủ thêm Hlip (Hlip biết số cà phê trên là do các bị cáo trộm cắp mà có) chở 03 bao cà phê trộm cắp được đến bán cho Doanh nghiệp thu mua nông sản Ngọc Chương được số T là 4.959.000 đồng. Tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt qua định giá có trị giá là: 4.858.000 đồng.

Đây là vụ án có nhiều bị cáo cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội nhưng giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể, không có sự câu kết chặt chẽ nên đây là vụ án đồng phạm thuộc trường hợp giản đơn. Trong đó, bị cáo Dên là người khởi xướng việc phạm tội, quá trình phạm tội rất tích cực nên bị cáo phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án; các bị cáo Quy, Djông và Lương là đồng phạm, tham gia trong vụ án với vai trò là người thực hành. Bị cáo Hlip phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Như vậy có đủ căn cứ xác định bị cáo có lý lịch dưới đây đã phạm tội như sau:

LÝ LỊCH BỊ CÁO

1. Bị cáo thứ nhất

Họ và tên: **Dên**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam

Sinh năm 1992, tại tỉnh G;

Nơi cư trú: Thôn O Yố, xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G;

Quốc tịch : Việt Nam; Dân tộc: Jarai; Tôn giáo: Tin Lành

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 6/12;

Cha: Siu DJonh, sinh năm 1966;

Mẹ: Par, sinh năm 1968;

Hiện cha mẹ bị cáo trú tại: Thôn O Yố, xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G;

Gia đình bị cáo có 04 chị, em; lớn nhất sinh năm 1987; nhỏ nhất sinh năm 1996, bị cáo là con thứ 3 trong gia đình.

Vợ: Ngâu, sinh năm 2000;

Bị cáo có 01 người con, sinh năm 2018;

Hiện vợ và con bị cáo trú tại: Thôn O Yố, xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G.

Quá trình hoạt động của bị cáo:

Từ khi sinh ra và lớn lên được cha mẹ cho đi học hết lớp 6/12 thì nghỉ học ở nhà làm nông phụ giúp gia đình.

- Ngày 02/01/2019, có hành vi cùng đồng phạm "Trộm cắp tài sản" tại xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G. Ngày 11/01/2019, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ khởi tố, điều tra để xử lý theo quy định.

T án; T sự: Không

Bị cáo bị bắt từ ngày 05/01/2019 đến ngày 11/01/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh.

2. Bị cáo thứ hai

Họ và tên: **Quy**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam

Sinh năm 1992, tại tỉnh G;

Nơi cư trú: Thôn O Yố, xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G;

Quốc tịch : Việt Nam; Dân tộc: Jarai; Tôn giáo: Tin Lành

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 5/12;

Cha: Ueng, sinh năm 1945;

Mẹ: A Minh, sinh năm 1950;

Hiện cha mẹ bị cáo trú tại: Thôn O Yố, xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G;

Gia đình bị cáo có 03 chị, em; lớn nhất sinh năm 1988; nhỏ nhất sinh năm 1995, bị cáo là con thứ 2 trong gia đình.

Vợ: Ngunh, sinh năm 1995;

Bị cáo có 01 người con, sinh năm 2014;

Hiện vợ và con bị cáo trú tại: Thôn O Yố, xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G.

Quá trình hoạt động của bị cáo:

Từ khi sinh ra và lớn lên được cha mẹ cho đi học hết lớp 5/12 thì nghỉ học ở nhà làm nông phụ giúp gia đình.

- Ngày 02/01/2019, có hành vi cùng đồng phạm "Trộm cắp tài sản" tại xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G. Ngày 11/01/2019, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ khởi tố, điều tra để xử lý theo quy định.

T án; T sự: Không

Bị cáo bị bắt từ ngày 05/01/2019 đến ngày 11/01/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh.

3. Bị cáo thứ ba

Họ và tên: **Lương**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam

Sinh năm 1997, tại tỉnh G;

Nơi cư trú: Thôn O Yố, xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G;

Quốc tịch : Việt Nam; Dân tộc: Jarai; Tôn giáo: Tin Lành

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 2/12;

Cha: Ling, sinh năm 1966;

Mẹ: Glah, sinh năm 1968;

Hiện cha mẹ bị cáo trú tại: Thôn O Yố, xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G;

Gia đình bị cáo có 06 chị, em; lớn nhất sinh năm 1991; nhỏ nhất sinh năm 2004, bị cáo là con thứ 3 trong gia đình.

Vợ: Gơn, sinh năm 1999;

Bị cáo có 01 người con, sinh năm 2015;

Hiện vợ và con bị cáo trú tại: Thôn O Yố, xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G.

Quá trình hoạt động của bị cáo:

Từ khi sinh ra và lớn lên được cha mẹ cho đi học hết lớp 2/12 thì nghỉ học ở nhà làm nông phụ giúp gia đình.

- Ngày 02/01/2019, có hành vi cùng đồng phạm "Trộm cắp tài sản" tại xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G. Ngày 11/01/2019, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ khởi tố, điều tra để xử lý theo quy định.

T án; T sự: Không

Bị cáo bị bắt từ ngày 05/01/2019 đến ngày 11/01/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh.

4. Bị cáo thứ tư

Họ và tên: **DJông**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam

Sinh năm 1985, tại tỉnh G;

Nơi cư trú: Thôn O Yố, xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G;

Quốc tịch : Việt Nam; Dân tộc: Jarai; Tôn giáo: Tin Lành

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 6/12;

Cha: Dinh, sinh năm 1963;

Mẹ: Yil, sinh năm 1965;

Hiện cha mẹ bị cáo trú tại: Thôn O Yố, xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G;

Gia đình bị cáo có 04 anh, em; lớn nhất sinh năm 1985; nhỏ nhất sinh năm 1993, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình.

Vợ: Pen, sinh năm 1985;

Bị cáo có 04 người con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2019;

Hiện vợ và các con bị cáo trú tại: Thôn O Yố, xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G.

Quá trình hoạt động của bị cáo:

Từ khi sinh ra và lớn lên được cha mẹ cho đi học hết lớp 6/12 thì nghỉ học ở nhà làm nông phụ giúp gia đình.

- Ngày 02/01/2019, có hành vi cùng đồng phạm "Trộm cắp tài sản" tại xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G. Ngày 11/01/2019, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ khởi tố, điều tra để xử lý theo quy định.

T án; T sự: Không

Bị cáo bị bắt từ ngày 05/01/2019 đến ngày 11/01/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh.

5. Bị cáo thứ năm

Họ và tên: **Hlip**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam

Sinh năm 1991, tại tỉnh G;

Nơi cư trú: Thôn O Yố, xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G;

Quốc tịch : Việt Nam; Dân tộc: Jarai; Tôn giáo: Tin Lành

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 4/12;

Cha: Huin, sinh năm 1960;

Mẹ: Hut, sinh năm 1962;

Hiện cha mẹ bị cáo trú tại: Thôn O Yố, xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G;

Gia đình bị cáo có 09 chị, em; lớn nhất sinh năm 1973; nhỏ nhất sinh năm 1997, bị cáo là con thứ 8 trong gia đình.

Vợ: Myin, sinh năm 1991;

Bị cáo chưa có con;

Hiện vợ bị cáo trú tại: Thôn O Yố, xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G.

Quá trình hoạt động của bị cáo:

Từ khi sinh ra và lớn lên được cha mẹ cho đi học hết lớp 4/12 thì nghỉ học ở nhà làm nông phụ giúp gia đình.

- Ngày 02/01/2019, có hành vi cùng đồng phạm "Trộm cắp tài sản" tại xã Ia Bông, huyện Đ, tỉnh G. Ngày 11/01/2019, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ khởi tố, điều tra để xử lý theo quy định.

T án; T sự: Không

Bị cáo bị bắt từ ngày 05/01/2019 đến ngày 11/01/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh.

Hành vi của các bị cáo Dên, Quy, Lương và DJông là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm vào quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt có trị giá là 5.150.000 đồng. Do vậy, hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội: "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Hlip mặc dù biết được tài sản do bị cáo Dên cùng đồng phạm trộm cắp mà có nhưng vẫn giúp sức cùng với các bị cáo Dên, Quy, Lương và DJông đi tiêu thụ tài sản, tài sản mà bị cáo tiêu thụ có trị giá là 5.150.000 đồng. Do vậy, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a, Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b, Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm..."

Tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự quy định:

" 1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt T từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm..."

Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có T án, T sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại để khắc phục hậu quả cho người bị hại, người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Đây là những tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với anh Trần Ngọc Chương và chị Phạm Thị Hiền là người đã trực tiếp mua số cà phê do Dên cùng đồng phạm trộm cắp mà có, khi mua anh Chương và chị Hiền không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý về hình sự đối với anh Chương và chị Hiền là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G để xét xử các bị cáo Dên, Quy, Lương và DJông, có lý lịch nêu trên về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; bị cáo Hlip, có lý lịch nêu trên về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại Khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

2. Kèm theo Cáo trạng có:

- Hồ sơ vụ án gồm có: 01 tập, được đánh số từ 01 đến 284.
- Danh sách những người VKS đề nghị Tòa án triệu tập đến phiên toà./.

Nơi nhận:

- VKS Tỉnh (P3);
- CQĐT- CAH. Đ;
- Bị cáo;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu Hồ sơ KS.

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

Nguyễn Xuân Kỳ